

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG

**NGHIÊN CỨU SO SÁNH NGUỒN LỰC
PHÁT TRIỂN CỦA SINGAPORE VÀ HÀN QUỐC
GIAI ĐOẠN 1961-1979**

**Chuyên ngành: Đông Nam Á học
Mã số: 62.31.50.10**

DỰ THẢO TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

Hà Nội - 2015

Công trình được hoàn thành tại:

Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

- 1) PGS.TS. Nguyễn Thu Mỹ
- 2) PGS.TS. Nguyễn Duy Dũng

Giới thiệu 1:

Giới thiệu 2:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Cơ sở chấm luận án tiến sĩ họp tại : vào hồi giờ ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do nghiên cứu đề tài

Việc huy động hiệu quả nhất các nguồn lực cũng như duy trì được cao nhất nguồn lực đó để phát triển là những vấn đề then chốt trong chính sách phát triển của mọi quốc gia, mọi thời đại. Lịch sử chứng minh rằng, quốc gia nào nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của các nguồn lực cũng như có chính sách phát huy các nguồn lực đó một cách hợp lý, quốc gia đó sẽ phát triển thành công.

Việt Nam do nhiều thập kỷ phải tập trung mọi nguồn lực của đất nước cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, đã trở thành một trong những quốc gia kém phát triển nhất ở Đông Nam Á. Tình trạng kém phát triển đó không chỉ tác động xấu tới đời sống của mọi tầng lớp nhân dân trong nước mà còn làm giảm ý nghĩa của những thắng lợi giành được trong quá trình đấu tranh giải phóng đất nước. Nhận thức được điều đó, từ năm 1986 tới nay, Đảng Cộng sản Việt Nam - với tư cách là Đảng cầm quyền - đã phát động công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Mục tiêu của sự nghiệp đổi mới là nhanh chóng biến Việt Nam thành một nước xã hội chủ nghĩa có trình độ phát triển kinh tế cao, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XII của Đảng đã xác định rõ mục tiêu tổng quát của giai đoạn 2016-2020 là “đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; ...; xây dựng nền tảng để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.” [BCH TW Đảng khóa XI, 2015]. Để đạt được mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, Đảng và Chính phủ đặc biệt quan tâm tới việc học tập kinh nghiệm của các nước đi trước, đặc biệt là từ những nước tương đồng về văn hóa, lịch sử và có xuất phát điểm kinh tế giống với Việt Nam như Singapore và Hàn Quốc - hai trong bốn con rồng Châu Á. Thêm vào đó, kinh nghiệm phát triển của Singapore và Hàn Quốc cũng đặc biệt được chú ý bởi hai quốc gia này đã phát triển bền vững trong một thời gian dài dưới sự lãnh đạo của một Đảng cầm quyền. Do vậy, nhìn một cách tổng thể, thành công của Singapore và Hàn Quốc sẽ có giá trị tham khảo lớn cho Việt Nam.

Với xuất phát điểm không mấy thuận lợi như nhiều quốc gia ở Đông Á, sau hơn hai thập kỷ nỗ lực phấn đấu từ đầu thập niên 1960, Singapore và Hàn Quốc đã vươn lên thành những nước công nghiệp hóa mới (Newly Industrialized Country -NIC) ở Đông Á. Hiện nay, cả hai nước này vẫn đang nỗ lực không ngừng nghỉ để có thể tìm chỗ

đứng trong câu lạc bộ các nước phát triển nhất thế giới. Thành công phát triển của Singapore và Hàn Quốc đã thu hút sự chú ý mạnh mẽ của cộng đồng quốc tế, đặc biệt là của các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Singapore dưới sự lãnh đạo của Lee Kuan-yew đã từng bước biến chuyên nền kinh tế quốc đảo với tăng trưởng GDP bình quân đầu người từ 2422 USD năm 1961 tới 8362 USD năm 1979. Bên cạnh sự nổi bật của kì tích Singapore, tổng thống Park Chung-hee và chính phủ Hàn Quốc cũng đã tập trung phát triển kinh tế Hàn Quốc, đưa đất nước thoát khỏi cảnh tàn phá bởi cuộc nội chiến, tăng thu nhập bình quân đầu người gấp 20 lần từ 83 USD năm 1961 thành 1640 USD năm 1979.

Singapore và Hàn Quốc đều bị đánh giá là những quốc gia không giàu có về tài nguyên thiên nhiên, bị hạn chế bởi thị trường trong nước nhỏ hẹp, đặc biệt là Singapore. Nguồn lực bất biến để phát triển đất nước của hai quốc gia này là vị trí địa chính trị và nguồn lực con người. Với xuất phát điểm như vậy, như nội dung sẽ phân tích trong luận án, Singapore và Hàn Quốc đã thực hiện các chiến lược phát triển với một số nét tương đồng. Đó là lấy nhu cầu thị trường bên ngoài để định hướng phát triển kinh tế, huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư phát triển trong khi tích cực phát triển và khai thác tối đa nguồn lực con người. Bên cạnh đó, nhằm phát huy lợi thế đặc thù, Singapore và Hàn Quốc cũng đã thực hiện một số chính sách phát triển riêng biệt. Singapore tập trung nhiều vào phát triển các ngành dịch vụ, biến đất nước họ thành trung tâm tài chính và trung chuyển hàng hóa lớn ở Đông Nam Á, trong khi đó, Hàn Quốc lại chủ trương phát triển các ngành công nghiệp nặng và trở thành một trong những nước công nghiệp phát triển nhất Đông Á. Vấn đề đặt ra là, hai quốc gia đã sử dụng nguồn lực con người và nguồn vốn tài chính như thế nào để có thể tạo nên những kì tích (miracle) về kinh tế, đóng góp vào “sự thần kỳ” về kinh tế ở Châu Á giai đoạn 1961 - 1979?

Tính bền vững của hai mô hình phát triển Singapore và Hàn Quốc đã được thử thách bởi cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997-1998. Kinh tế Hàn Quốc trong một giai đoạn đã lâm vào tình trạng khủng hoảng tạm thời trong khi kinh tế Singapore cũng ít nhiều chịu những ảnh hưởng. Từ thực tế này, nhiều người, đặc biệt các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách phát triển trên thế giới, trong đó có các nhà nghiên cứu của Việt Nam đã đặt câu hỏi: Phải chăng mô

hình phát triển của Singapore bền vững hơn, còn mô hình của Hàn Quốc với Chaebol không lồ là thiếu bền vững? Nền tảng nào đã giúp Singapore và Hàn Quốc có thể duy trì phát triển bền vững như vậy?

Các câu hỏi trên chỉ có thể trả lời một cách thỏa đáng khi ta tiến hành một nghiên cứu so sánh về hai chiến lược phát triển của hai quốc gia trên. Các kết quả nghiên cứu sẽ góp phần cung cấp căn cứ khoa học cho việc hoạch định chiến lược phát triển của Việt Nam trong những năm tới, mà trước hết là cho việc hoạch định chính sách phân bổ nguồn lực và tái cơ cấu kinh tế giai đoạn 2016-2020. Bên cạnh đó, nghiên cứu sẽ góp thêm một lời giải thích về một số nguyên nhân tạo dựng sự thần kỳ Châu Á, đồng thời cũng là tài liệu tham khảo hữu ích cho bất cứ ai quan tâm về nguồn lực phát triển, đặc biệt là nguồn lực con người và nguồn lực tài chính tại Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961 - 1979.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

*** Mục đích nghiên cứu**

- Khảo sát nhận thức về tầm quan trọng của nguồn lực con người và nguồn vốn đầu tư đối với phát triển của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961-1979.

- Rút ra những điểm tương đồng và khác biệt trong hoạt động đào tạo, sử dụng nguồn lực con người cũng như cách thức thu hút, sử dụng nguồn vốn đầu tư của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961 - 1979.

- Đưa ra một số bài học tham khảo cho chính sách đào tạo và sử dụng hiệu quả nguồn lực con người, nguồn vốn đầu tư ở Việt Nam hiện nay.

*** Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Khảo sát cơ sở lý thuyết và thực tiễn trong việc hoạch định chiến lược phát triển của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961 - 1979, chỉ ra và chứng minh được mối quan hệ phụ thuộc của chiến lược phát triển dựa vào nguồn lực con người và nguồn vốn đầu tư ở Singapore và Hàn Quốc.

- Phân tích, đánh giá để tìm kiếm mẫu số chung và riêng từ hoạt động đào tạo, sử dụng nguồn lực con người cũng như cách thức thu hút và hoạt động nguồn vốn đầu tư của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961 - 1979.

- Trên cơ sở đánh giá về đặc trưng, tính hiệu quả và vấn đề tồn tại trong vấn đề khai thác, sử dụng nguồn nhân lực và nguồn vốn đầu

tư ở hai quốc gia, chúng tôi đưa ra một số gợi ý mang tính tham khảo cho chính sách đào tạo và sử dụng hiệu quả nguồn lực con người, nguồn vốn đầu tư ở Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng chính của đề tài là nghiên cứu nguồn lực phát triển, trọng tâm là nguồn lực con người và nguồn vốn đầu tư của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961-1979.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Phạm vi thời gian nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu của đề tài tập trung thu thập trong giai đoạn 1961 - 1979.

+ Đối với Singapore: năm 1961 là thời điểm quốc gia này bắt đầu tiến hành kế hoạch phát triển quốc dân 4 năm (1961 - 1964) và năm 1979 là mốc đạt được quy chế một NIC Châu Á theo báo cáo OECD (1979).

+ Đối với Hàn Quốc: 1961 - 1979 là giai đoạn tổng thống Park Chung-hee lên cầm quyền và năm 1979 cũng là mốc thời gian Hàn Quốc đạt được quy chế một NIC Đông Á theo báo cáo OECD (1979).

3.2.1. Phạm vi nội dung nghiên cứu

Xuất phát từ phạm vi thời gian nghiên cứu, phương pháp tiếp cận khu vực học và thực tế nguồn lực phát triển của Singapore cũng như Hàn Quốc giai đoạn đầu thập niên 1960, luận án tập trung nghiên cứu so sánh về nguồn lực con người và nguồn lực tài chính, trong đó nguồn lực tài chính đề cập chủ yếu tới nguồn vốn trực tiếp FDI giai đoạn 1961-1979.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Đề tài sử dụng học thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác - Lê nin, phù hợp với quan điểm và phù hợp với những định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội.

4.2. Phương pháp tiếp cận

Vấn đề nguồn lực phát triển, đặc biệt là nguồn lực con người và nguồn lực tài chính thường được tiếp cận dưới góc độ kinh tế học. Trong luận án này, chúng tôi không tiếp cận vấn đề dưới quan điểm chuyên ngành cụ thể, mà chọn cách tiếp cận liên ngành, trên cơ sở kết hợp tiếp cận theo các ngành khu vực học, sử học, kinh tế học và xã hội học.

Luận án xem xét về một thời kỳ lịch sử (1961-1979), chúng tôi sử dụng phương pháp tiếp cận lịch đại; luận án là một đề tài mang tính nghiên cứu so sánh, chúng tôi cũng áp dụng phương pháp tiếp cận đồng đại. Mặt khác, khi xem xét các đối tượng thuộc phạm trù kinh tế học như tiết kiệm, đầu tư... hoặc các đối tượng thuộc phạm trù xã hội như dân số, thất nghiệp... chúng tôi áp dụng phương pháp thống kê và phân tích định lượng, phân tích SWOT...

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Xuất phát từ quan điểm về phương pháp tiếp cận trên, luận án đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể để thu thập và phân tích thông tin như sau:

- Phương pháp phân tích sử học được tiến hành dựa trên các dữ kiện liên quan đề tài. Cụ thể hơn, luận án tiến hành đánh giá, phân tích cách tiếp cận, huy động và sử dụng các nguồn lực của Singapore và Hàn Quốc qua từng phân kỳ lịch sử trong giai đoạn 1961-1979.

- Phương pháp thống kê và phân tích định lượng cũng được sử dụng trong việc tìm kiếm, phân tích và cung cấp số liệu cần thiết phục vụ đề tài.

- Phương pháp so sánh được sử dụng nhằm phát hiện và làm nổi bật những điểm tương đồng và khác biệt trong việc huy động và sử dụng các nguồn lực của Singapore và Hàn Quốc. Đặc biệt, thao tác Phân tích SWOT giúp tìm ra những ưu điểm, hạn chế, cơ hội cũng như thách thức trong việc phát triển và sử dụng nguồn lực.

- Phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia được thực hiện ngay từ khi hình thành đề tài nghiên cứu. Phương pháp này sử dụng nhằm một số mục đích sau: (1) Xác định phạm vi và đối tượng nghiên cứu; (2) Tái đánh giá về nội dung, luận cứ và kết quả nghiên cứu.

5. Nguồn tư liệu sử dụng viết luận án

Nguồn tư liệu sử dụng để viết luận án gồm hai nguồn chính là 1) tài liệu lưu trữ, 2) tài liệu tham khảo (các công trình khoa học đã được công bố và thông tin từ báo chí, thông tin tham vấn chuyên gia). Phần lớn các tư liệu này được tác giả thu thập tại Cục lưu trữ Quốc gia, Thư viện của các trường đại học uy tín... Trong quá trình thu thập và tham khảo tài liệu, chúng tôi luôn xem xét đến tính khoa học và độ tin cậy của thông tin cũng như tính logic và khoa học của các lập luận được trình bày ở các tài liệu đó.

6. Đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, về mặt lý thuyết, kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung cơ sở lý thuyết về mối quan hệ giữa nguồn lực phát triển và tăng trưởng kinh tế. Dựa vào hàm sản xuất tân cổ điển có mở rộng biến, mô hình nghiên cứu của luận án được xây dựng gồm các biến: tăng trưởng kinh tế, nguồn lực con người, nguồn vốn đầu tư, có bổ sung biến kiểm soát là độ mở thương mại.

Thứ hai, luận án đã tiến hành phân tích SWOT các cơ sở hoạch định chính sách phát triển của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961-1979. Luận án đã làm rõ được những điểm khác biệt về tầm cỡ lãnh thổ, dân cư, vấn đề lịch sử - dân tộc, kinh nghiệm hội nhập quốc tế... Bên cạnh đó, luận án cũng chỉ ra được những mẫu số chung như lợi thế về vị trí địa lý, cơ cấu dân số, nhận thức và việc vận dụng “các giá trị Châu Á”, đặc biệt là các giá trị quan mang tính tích cực của Khổng giáo trong quá trình hoạch định chiến lược phát triển của hai quốc gia.

Thứ ba, luận án đã tiến hành phân tích và so sánh một cách có hệ thống và chi tiết về việc triển khai các chính sách đào tạo, sử dụng nguồn lực con người cũng như cách thức thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961 - 1979.

Thứ tư, trên cơ sở nghiên cứu so sánh và phân tích ưu - nhược điểm trong chính sách phát triển của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961-1979, luận án rút ra một số gợi ý tham khảo cho Việt Nam. Luận án cũng đưa ra những gợi ý cụ thể về chính sách hướng nghiệp và phân luồng nhân lực, thu hút chất xám, thu hút đầu tư của các công ty đa quốc gia, vai trò dẫn dắt và can thiệp của Nhà nước trong việc phát triển nguồn vốn đầu tư và con người ở Việt Nam

7. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu & kết luận, nội dung chính của đề tài triển khai gồm 5 chương chính, cụ thể là Chương 1 (Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài); Chương 2 (Cơ sở lý luận và thực tiễn đề phát triển của Singapore và Hàn Quốc đầu thập niên 60); Chương 3 (Nguồn lực con người trong quá trình phát triển của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961 - 1979: từ góc độ so sánh); Chương 4 (Nguồn vốn tài chính của Singapore và Hàn Quốc trong giai đoạn 1961-1979: từ góc độ so sánh) và Chương 5 (Đánh giá về nguồn lực phát triển của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961-1979).

Chương 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

Mục đích chính của chương này là trên cơ sở xác định chủ đề chủ yếu trong các tài liệu khoa học nghiên cứu so sánh về nguồn lực phát triển của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961-1979, tác giả sẽ đề cập tới những vấn đề nghiên cứu của luận án này.

1.1. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ở phần này, tác giả hệ thống hóa các công trình, bài viết đã được công bố, kể cả các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ (kể cả trong và ngoài nước) liên quan mật thiết đến đề tài luận án hoặc liên quan mật thiết đến các vấn đề cần được đề cập trong luận án. Cụ thể, tác giả đã tập trung phân tích, đánh giá và nêu rõ những mặt thành công và mức độ thành công của các công trình này trong việc giải quyết các vấn đề như sau:

1.1.1. Nghiên cứu so sánh nguồn lực phát triển của Singapore và Hàn Quốc

Thực tế khảo sát cho thấy, chưa có công trình nào lưu tâm nghiên cứu tới nguồn lực phát triển theo những điều kiện so sánh giữa hai quốc gia Singapore và Hàn Quốc.

Những đề tài tập trung nghiên cứu so sánh ở nước ngoài dường như chỉ có các đề tài so sánh thiên về chiến lược phát triển kinh tế và thường lấy Singapore hoặc Hàn Quốc làm đối tượng so sánh với một quốc gia khác hoặc chỉ là những đề tài được tiến hành nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ. Trong số đó có đề tài Nghiên cứu so sánh chiến lược phát triển kinh tế của Hàn Quốc và Nhật Bản (Development strategies of Japan and the republic of Korea: A comparative study) của hai nhà nghiên cứu Tuvia Blumenthal và Chung H.Lee năm 1985; Hồng Kông và Singapore - trung tâm tài chính quốc tế: một quan điểm so sánh (HongKong and Singapore as International Financial Centre: A Comparative Functional Perspective) của Ng Beoy Kui năm 1998; Khủng hoảng và tái cơ cấu của các quốc gia phát triển Đông Á: nghiên cứu so sánh Hàn Quốc và Đài Loan (동아시아 발전국가의 위기와 재편 : 한국과 대만 비교연구) của tác giả Yun Sang-u năm 2002...

Tại Việt Nam, Con đường phát triển của một số nước Châu Á - Thái Bình Dương do PGS.TS. Dương Phú Hiệp chủ biên năm 1996 tuy không đặt trọng tâm so sánh song một số nội dung so sánh cũng được đề cập trong nội dung phân tích. Đặc điểm Con đường phát

triển kinh tế - xã hội của các quốc gia Châu Á (NXB Khoa học Xã hội đã dành một phần để bình luận, đánh giá đặc điểm chủ nghĩa tư bản của các nước Asean và điểm xuyết một vài điểm tương đồng giữa Singapore với các nước trong khu vực.

1.1.2. Nghiên cứu về nguồn lực phát triển của Singapore và Hàn Quốc

Khi tìm hiểu về các chiến lược phát triển của Singapore và Hàn Quốc, các học giả nước ngoài từ trước tới nay hầu hết đều tập trung nghiên cứu chính sách cải cách kinh tế, chính sách cải cách giáo dục, phát triển nguồn nhân lực... của hai quốc gia này như là thành tố để phát triển đất nước và biến chuyển xã hội, đặc biệt trong giai đoạn cận hiện đại. Tác giả khảo sát những nghiên cứu tiêu biểu về Singapore như Tăng trưởng kinh tế của Singapore: Thương mại và phát triển trong thế kỷ XX (The economic growth of Singapore: Trade and development in the twentieth century) năm 1994; Bài học thành công của Singapore (Singapore's Success) của Henri Ghesquiere; Phát triển nguồn vốn con người ở Singapore: một phân tích từ góc nhìn chính sách quốc gia (Human Capital Development in Singapore: An Analysis of National Policy Perspectives) của tác giả AAhad M. Osman-Gani, Thành công của Singapore trong phát triển kinh tế của Trần Khánh năm 1993)...

Đặc biệt, chúng tôi cũng chú ý tham khảo những tác phẩm của các nhà lãnh đạo Singapore và Hàn Quốc, cụ thể là tập hồi ký dài hai tập của nguyên thủ tướng Lee Kuan-yew (1998) là The Singapore Story (Câu chuyện Singapore), From Third World to First: The Singapore Story: 1965-2000 (Từ thế giới thứ ba đến thế giới thứ nhất: Câu chuyện Singapore: 1965-2000) hay những cuốn sách của cố tổng thống Park Chung-hee như The Country, the Revolution and I, Our Nation's Path (1970) (Đất nước, cuộc cách mạng và tôi, con đường của dân tộc chúng ta); To build a Nation (Hướng tới xây dựng một quốc gia) (1971); Korea Reborn: A Model for Development (Sự hồi sinh của Hàn Quốc: một mẫu hình cho sự phát triển) (1979).

Tại Việt Nam, trong tình trạng khan hiếm tư liệu tham khảo về kinh tế Hàn Quốc, cuốn sách Hàn Quốc: câu chuyện kinh tế về một con rồng (Korea: The Economic Story of A Dragon) xuất bản năm 2005 của GS.TS. Hoa Hữu Lân, Quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Hàn Quốc (1961-1993) và kinh nghiệm đối với Việt Nam của PGS.TS. Hoàng Văn Hiến... là những tài liệu tham khảo hữu ích.

1.2. Những vấn đề tài liệu chưa giải quyết

Thứ nhất, theo những tư liệu tác giả tiếp cận được, cho tới thời điểm hiện nay, chưa có một nghiên cứu so sánh nào lấy đối tượng trực tiếp là Singapore và Hàn Quốc.

Thứ hai, hệ thống những công trình của các nhà nghiên cứu Singapore và Hàn Quốc đã được đầu tư tìm hiểu một cách công phu trên nhiều khía cạnh, lĩnh vực ở nhiều giai đoạn song đường như các tác giả đang dựa trên những cảm nhận của những cư dân nơi đây, nên nhiều khi cách giải thích, nhìn nhận chưa thực sự khách quan.

Thứ ba, đã có một số công trình đề cập tới cơ sở để hoạch định chiến lược phát triển của Singapore và của Hàn Quốc ở thời kỳ sau độc lập thế nhưng chưa đề cập một cách đầy đủ các điều kiện phát triển, kể cả chủ quan và khách quan. Nhiều công trình trong số đó chỉ mới dừng lại nghiên cứu ở cấp độ thực tiễn.

Thứ tư, đa số công trình đề cập tới thành tựu và hạn chế trong chiến lược phát triển của Singapore và Hàn Quốc được nghiên cứu và công bố sau năm 1997, tức là sau cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á.

1.3. Vấn đề nghiên cứu của luận án

Trên cơ sở tiếp thu thành quả nghiên cứu của các công trình trước, luận án tập trung làm sáng tỏ một số vấn đề sau:

Một là, phân tích những yếu tố ảnh hưởng tới nội dung và quá trình thực thi chiến lược phát triển của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961-1979, lý giải nguyên nhân trọng dụng yếu tố nguồn lực con người và nguồn lực tài chính nơi đây.

Hai là, nghiên cứu cụ thể tiến trình thu hút - hoạt động nguồn lực tài chính cũng như chiến lược đào tạo và sử dụng nguồn lực con người của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961-1979. Trên cơ sở đó, tìm kiếm mẫu số chung phát triển của Singapore và Hàn Quốc trong “giá trị Châu Á”, kiểm chứng lý thuyết phát triển ngoại sinh.

Ba là, đánh giá vai trò của nguồn lực con người và nguồn lực tài chính tới sự phát triển của Singapore và Hàn Quốc cuối thập niên 1970.

Bốn là, gợi ý những kinh nghiệm phát triển chung và riêng của Singapore và Hàn Quốc mà Việt Nam có thể áp dụng.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN ĐỂ PHÁT TRIỂN CỦA SINGAPORE VÀ HÀN QUỐC ĐẦU THẬP NIÊN 60

Nội dung chương 2 của luận án đề cập tới những cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan tới vấn đề và giai đoạn nghiên cứu. Cụ thể, sẽ trình bày nội hàm của một số khái niệm cơ bản và lý thuyết phát triển được giới khoa học xã hội quốc tế chấp nhận; phân tích bối cảnh kinh tế, xã hội và cơ sở nội tại cũng như ngoại sinh tác động tới quan điểm, chiến lược phát triển của Singapore và Hàn Quốc đầu thập kỷ 60.

2.1. Cơ sở lý luận nghiên cứu đề tài

Phần nội dung này, chúng tôi đề cập tới một số khái niệm chính liên quan đề tài (nguồn lực, phát triển, nguồn lực phát triển, nguồn lực con người và nguồn vốn đầu tư...); một số lý thuyết phát triển (Lý thuyết tăng trưởng ngoại sinh, nội sinh” và vai trò của các nguồn lực đối với tăng trưởng. Trên cơ sở đó, chúng tôi đã giới hạn khung lý thuyết nghiên cứu luận án.

2.2. Cơ sở thực tiễn nghiên cứu đề tài

Ở phần nội dung này, chúng tôi khái lược về bối cảnh chính trị, kinh tế - xã hội và những tiền đề phát triển của Singapore và Hàn Quốc đầu thập niên 1960. Singapore và Hàn Quốc khi bắt tay hoạch định chiến lược phát triển đều đối mặt với những tình trạng bất ổn và kém phát triển của quốc gia trong bối cảnh quốc tế đầy biến động.

Những tiền đề khách quan được phân tích như (i) sự phát triển thần kỳ về kinh tế của Nhật Bản mở ra khả năng rút ngắn quá trình hiện đại hóa nền kinh tế quốc gia; (ii) Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại thúc đẩy quá trình phân công lao động quốc tế; (iii) Sự phát triển của các công ty đa quốc gia (Multinational Company), công ty xuyên quốc gia (Transnational Company) và khuynh hướng mở rộng hoạt động sang các nước đang phát triển; (iv) Xung đột giữa các quốc gia có xu hướng tăng cao khiến các nước phương Tây đầu tư vào các vùng liên cận nhằm phục vụ quân sự.

Những tiền đề chủ quan được phân tích theo hai hướng là tiền đề tương tự và tiền đề khác biệt giữa Singapore và Hàn Quốc. Tiền đề tương tự đề cập tới (i) Phát triển trong tình trạng riêng của mỗi nước được đánh giá qua i) Quy mô lãnh thổ; ii) Quy mô dân số; iii) Vấn đề sắc tộc; iv) Kinh nghiệm hội nhập quốc tế

Những mô hình phát triển khác nhau trên đã quyết định nhận thức về tầm quan trọng của các nguồn lực con người và tài chính

trong quá trình hiện thực hóa mục thiếu tài nguyên thiên nhiên; ii) Lợi thế từ vị trí địa kinh tế, địa chính trị; iii) Ảnh hưởng tích cực từ các giá trị quan Khổng giáo.



Những tiền đề phát triển tiêu phát triển của hai nước cũng như phương thức phát triển và sử dụng hai nguồn lực này để góp phần đạt tới các mục tiêu đó .

Chương 3

NGUỒN LỰC CON NGƯỜI TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA SINGAPORE VÀ HÀN QUỐC GIAI ĐOẠN 1961-1979: TỪ GÓC ĐỘ SO SÁNH

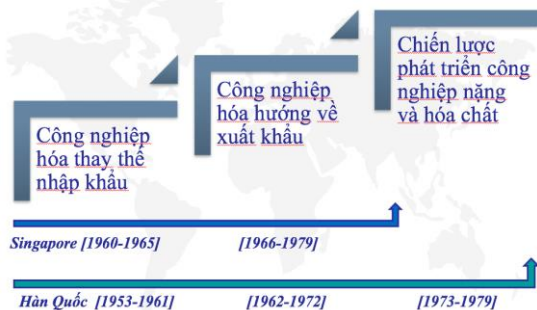
Trong Chương 3, với cái nhìn so sánh, chúng tôi sẽ khảo sát một cách hệ thống về (1) chính sách phát triển nguồn nhân lực và (2) phương thức quản lý - phát huy nguồn lực con người của Singapore và Hàn Quốc trong giai đoạn 1961-1979.

3.1. Chính sách phát triển nguồn nhân lực của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961-1979

3.1.1. Cơ sở hoạch định chiến lược

Ở nội dung này chúng tôi đề cập khái quát về Chiến lược công nghiệp hóa của Singapore của Hàn Quốc và thực trạng nguồn nhân lực của hai nước trên vào thời điểm bắt đầu thực hiện công nghiệp hóa.

Theo định hướng kinh tế kế hoạch với những kế hoạch trung hạn 5 năm, cả Singapore và Hàn Quốc đều có nhu cầu cao về lực lượng lao động phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa.



Singapore và Hàn Quốc là một đảo quốc không có truyền thống công nghiệp, chỉ có lịch sử hoạt động tích cực trong lĩnh vực kinh doanh và hoạt động thương mại. Cả Singapore và Hàn Quốc đều cần ưu tiên giải quyết các vấn đề thất nghiệp gia tăng, chưa kể phải đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ cho chiến lược công nghiệp hóa.

3.1.2. Định hướng chính sách và tình hình thực hiện

3.1.2.1. Các định hướng phát triển nguồn nhân lực

i) Phát triển nguồn nhân lực gắn liền với mục tiêu phát triển

Trong chính sách phát triển nguồn nhân lực, chính phủ Singapore và Hàn Quốc đều đặt ra yêu cầu gắn chính sách đó với mục tiêu định hướng phát triển quốc gia qua từng thời kỳ.

ii) Đề cao vai trò của giáo dục đào tạo trong phát triển nguồn lực con người

Qua diễn văn và phát ngôn của các nhà lãnh đạo đương thời, Chính phủ hai quốc gia đã nhận thức rõ ràng, đầu tư vào giáo dục là rất quan trọng đối với tiến bộ kinh tế và xã hội. Thủ tướng Lee Kuan Yew từng nhấn mạnh rằng nếu thắng trong cuộc đua giáo dục sẽ thắng trong cuộc đua kinh tế trong khi tổng thống Park Chung-hee coi văn hoá và giáo dục là nền kinh tế thứ hai. Nói cách khác, chính sách văn hóa giáo dục đã trở thành một phần không thể tách rời với chính sách kinh tế của hai quốc gia.

iii) Đầu tư cao cho phát triển giáo dục

Cùng với việc đề cao vai trò của giáo dục, cả Singapore và Hàn Quốc đều tập trung đầu tư cho phát triển giáo dục. Những năm 1960–70, Singapore và Hàn Quốc đều có mức đầu tư cho giáo dục vào loại cao nhất ở châu Á.

3.2.2.2. Tình hình thực hiện

Trên cơ sở mục tiêu và các giải pháp trên, cả Singapore và Hàn Quốc đều nỗ lực phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đất nước họ. Phần tiếp đây sẽ đề cập tới những nỗ lực đó.

a. Phát triển giáo dục phổ thông

Một đặc điểm dễ nhận thấy trong chính sách phát triển giáo dục của Singapore và Hàn Quốc là coi trọng đào tạo phổ thông - đào tạo kiến thức cơ bản. Về phía Singapore, chính sách song ngữ mà nước này thực hiện là một điểm khác biệt so với giáo dục của Hàn Quốc. Đây là bước ngoặt vô cùng quan trọng, không những góp phần tạo dựng bản sắc quốc gia - dân tộc Singapore, mà còn là chìa khoá để mở cửa vào thế giới phương Tây, đồng thời tạo ra sự bình đẳng, cơ hội tìm kiếm công ăn việc làm cho mọi người dân Singapore.

b. Đào tạo nghề nghiệp

- Đào tạo hướng nghiệp

Một trong những đặc điểm của giáo dục ở Singapore là tất cả các học sinh ở cấp trung học cơ sở đều bắt đầu được đào tạo hướng nghiệp. Trong khi đó, ở Hàn Quốc, giáo dục hướng nghiệp chủ yếu tập trung vào các năm cấp 3. Singapore thực hiện chính sách giáo dục linh hoạt hơn và luôn chú ý đến khả năng, sở thích cũng như năng

khieu của từng học sinh nhằm giúp họ phát huy cao nhất tiềm năng của bản thân.

- Đẩy mạnh đào tạo nghề

Chính phủ Singapore và Hàn Quốc đã sớm có chủ trương gắn liền giáo dục - đào tạo với chính sách công nghiệp thông qua việc chú trọng phát triển hệ thống trường dạy nghề, ban hành một số điều luật và chính sách phát triển nhân lực để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

- Mở rộng cơ hội đào tạo nghề nghiệp

Song song với chương trình đào tạo chính quy tại nhà trường, chính sách giáo dục của Singapore cũng hướng tới việc đào tạo bổ túc cho các đối tượng lao động. Các chương trình đào tạo được thực thi với nhiều đối tượng người dân. Các trung tâm, cơ sở đào tạo ở Singapore chủ yếu là các cơ quan nhà nước. Bên cạnh những chương trình đào tạo chính thức được triển khai theo kênh nhà nước, Chính phủ Hàn Quốc cũng cho phép các tổ chức tư nhân hình thành và phát triển các cơ sở đào tạo theo nhiều loại trường, nhiều cấp, cho phép triển khai những chương trình phi chính thức do cả nhà nước và tư nhân tài trợ.

- Đề cao vai trò đào tạo nghề nghiệp của các công ty

Singapore và Hàn Quốc cũng rất chú ý tới phát triển nhân lực tại các công ty, nhà máy sản xuất. Chính phủ hai quốc gia đã ban hành những quy định, khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp chương trình đào tạo thường xuyên hoặc cử cán bộ ra nước ngoài tu nghiệp.

c. Đào tạo bậc cao, chú trọng đầu tư trọng điểm

Do số lượng học sinh các cấp tăng nhanh, chính phủ Singapore và Hàn Quốc đã chú ý hơn tới sự phát triển của giáo dục bậc cao. Phù hợp với sự phát triển kinh tế, các trường đại học ở Singapore và Hàn Quốc hướng tới đào tạo nhiều ngành nghề liên quan. Nhà nước cũng cho thành lập nhiều Viện nghiên cứu chất lượng cao phục vụ phát triển.

d. Coi trọng giáo dục văn hóa truyền thống, chủ nghĩa đoàn kết quốc gia dân tộc

Ngoài việc giáo dục kiến thức khoa học và kỹ thuật, Singapore và Hàn Quốc luôn chủ trương giáo dục văn hoá truyền thống và tinh thần đoàn kết dân tộc quốc gia. Chỉ với cơ sở của tinh thần yêu nước và tinh thần đoàn kết dân tộc, chính phủ và người dân mới có thể

đồng lòng hướng tới mục tiêu phát triển chung của quốc gia. Hai quốc gia đều ra sức kêu gọi sự nỗ lực của các cá nhân vì sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc, thông qua giáo dục văn hóa truyền thống và chủ nghĩa đoàn kết quốc gia dân tộc.

e. Giảm tốc độ tăng dân số

Đầu thập niên 1960, Singapore và Hàn Quốc đều đối mặt với vấn đề dân số. Dân số đông, kinh tế thấp kém, nạn thất nghiệp tràn lan là bài toán khó đối với chính phủ hai quốc gia trong nỗ lực phát triển nguồn lực con người. Chính sách giảm sinh không chỉ góp phần tăng cường sức khỏe cho phụ nữ, trẻ em mà còn tiết kiệm được phần nào nguồn tài chính cũng như thời gian để họ có thể tham gia vào hoạt động sản xuất.

3.2. Phương thức quản lý và sử dụng nguồn nhân lực

Song song với việc chú trọng quá trình đào tạo, nhằm cung cấp và phát huy hiệu quả nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế, Singapore và Hàn Quốc đều rất chú ý tới vấn đề cải cách phương thức quản lý và sử dụng nguồn nhân lực.

3.2.1. Chính sách việc làm

Trước sức ép phải hạ thấp tỷ lệ thất nghiệp, chính sách việc làm của chính phủ hai quốc gia hướng tới mục tiêu tạo ra càng nhiều cơ hội việc làm càng tốt, đặc biệt là tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn. Chính phủ thực thi các chính sách chủ đạo để giảm nhẹ sự nhức nhối do thiếu lao động trong quá trình công nghiệp hóa và mở nhiều dịch vụ cung cấp việc làm cho công nhân tay nghề chưa cao.

3.2.2. Chính sách thu hút và trọng dụng người tài

Singapore và Hàn Quốc được đánh giá là những quốc gia có chính sách thu hút tài năng vào phát triển đất nước. Khi mới lên cầm quyền, cả hai nhà lãnh đạo đã tuyển chọn người làm việc từ những sinh viên giỏi ở các trường đại học danh tiếng nhất. Chính phủ Singapore đã đề ra nhiều ưu tiên hàng đầu tạo điều kiện cho các nhân tài mang hết sức mình về phục vụ quê hương (chính sách lương, bảo trợ xã hội...). Chính phủ hai quốc gia cũng đã thành lập hai ủy ban phát triển nhân lực thu hút các nhân lực khoa học trở về nước.

Chương 4

NGUỒN VỐN TÀI CHÍNH CỦA SINGAPORE VÀ HÀN QUỐC GIAI ĐOẠN 1961-1979: TỪ GÓC ĐỘ SO SÁNH

Mục tiêu chương 4 là tìm hiểu, phân tích một cách hệ thống về (1) nhu cầu nguồn lực tài chính đối với chiến lược phát triển kinh tế, (2) cách thức huy động cũng như (3) cách thức quản lý và phân bổ nguồn lực tài chính của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961-1979.

4.1. Nhu cầu cấp thiết nguồn vốn tài chính đối với phát triển kinh tế của hai quốc gia

Như đã đề cập ở chương 2, một điểm nổi bật khi xem xét lại quá trình phát triển của Singapore và Hàn Quốc đầu thập niên 1960, đó là cả hai quốc gia đều tiến hành chuyển đổi phát triển kinh tế với xuất phát điểm thấp, thiếu trầm trọng nguồn vốn phục vụ cho phát triển. Theo thống kê của Ngân hàng Thế giới, tổng dự trữ năm 1960 của Singapore và Hàn Quốc không lớn, chỉ lần lượt là 157 triệu USD và 115 triệu USD [The World Bank, 2015]. Những con số trên phản ánh, nguồn lực tài chính đầu thập niên 1960 ở Singapore và Hàn Quốc không đủ để chính phủ hai nước có thể dễ dàng thực hiện các chiến lược phát triển. Singapore và Hàn Quốc đều quyết tâm để chuyển đổi nền kinh tế trong nước, nhận thức được sự cấp thiết của việc huy động nguồn vốn đầu tư.

4.2. Chính sách huy động nguồn lực tài chính phục vụ phát triển của hai quốc gia

Nhằm đầu tư xây dựng các cơ sở kinh tế hạ tầng cũng như phát triển các ngành công nghiệp, chính phủ Singapore và Hàn Quốc đã tranh thủ tối đa mọi nguồn lực, từ các khoản tiết kiệm trong nhân dân cho tới các khoản viện trợ. Nếu như Singapore xác định hướng phát triển dựa chủ yếu vào thành phần kinh tế tư nhân nước ngoài và các khoản đầu tư trực tiếp của nước ngoài thì Hàn Quốc chủ trương dựa vào nguồn vay nợ nước ngoài.

4.2.1. Huy động nguồn lực tài chính trong nước

4.2.1.1. Huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân

Trong bối cảnh đất nước thiếu trầm trọng nguồn lực tài chính phục vụ phát triển, Chính phủ Singapore và Hàn Quốc khuyến khích tiết kiệm trong nước nhằm thu hút lượng tiền nhàn rỗi trong nhân dân, góp phần ổn định trạng thái tài khóa cho quốc gia. Tuy nhiên, cách thức triển khai của hai quốc gia có sự khác biệt. Nếu như Hàn Quốc chủ yếu khuyến khích tiết kiệm qua nhiều hình thức thì Singapore

chủ yếu huy động nguồn tiết kiệm theo hình thức bắt buộc với sự hoạt động của Quỹ dự phòng trung ương (Central Provident Fund - CPF). Kết quả, cả Singapore và Hàn Quốc đều đạt được tỷ lệ tiết kiệm cao, đặc biệt ở giai đoạn 1971-1980.

4.2.1.2. Tận thu tiền thuế, tiền cho thuê đất và tiết kiệm chi phí công

Bên cạnh chính sách tiết kiệm, các chính phủ Singapore và Hàn Quốc cũng đã sử dụng nhiều nguồn huy động khác như là nguồn tăng cường để tạo thêm vốn, ngân sách.

Singapore và Hàn Quốc đã sử dụng chính sách thuế như là một nguồn duy trì tăng trưởng kinh tế lâu dài thông qua việc phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội vững mạnh. Bên cạnh đó, chính phủ hai quốc gia cũng chú ý tới việc cắt giảm chi phí công để tăng cường phát triển các lĩnh vực kinh tế, giáo dục.

4.2.2. Huy động nguồn lực tài chính bên ngoài

4.2.2.1. Tranh thủ nguồn viện trợ nước ngoài và khoản vay tín dụng

Như chúng tôi đã đề cập ở chương 2, một trong những lợi thế đối với phát triển của Singapore và Hàn Quốc chính là vị trí địa chính trị, địa kinh tế và mối quan hệ hữu hảo với nhiều quốc gia phát triển. Nhờ đó, cả hai quốc gia đều nhận được sự hỗ trợ và chi viện về phương diện vật chất lẫn chuyên gia kỹ thuật, cụ thể là đã tranh thủ các khoản viện trợ nước ngoài, khoản tiền bồi thường chiến tranh và tìm kiếm các khoản vay tín dụng, đặc biệt là Hàn Quốc.

4.2.2.2. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài

Chiến lược phát triển đầu thập niên 1960 cho thấy, Singapore và Hàn Quốc đặt mục tiêu phát triển dựa trên khả năng tích lũy vốn và nguồn lực ở mức cao. Một trong biện pháp quan trọng huy động nguồn vốn chính là thu hút vốn đầu tư nước ngoài. So với Hàn Quốc, việc theo đuổi chính sách thương mại tự do, không đánh thuế hoặc giảm thuế, chính sách tiền lương thấp đã mang lại nhiều thuận lợi hơn cho Singapore trong việc thu hút nguồn đầu tư nước ngoài. Không những vậy, việc thực thi các biện pháp nhằm bảo hộ cho các doanh nghiệp trong nước ở một số ngành công nghiệp khiến Hàn Quốc hạn chế trong việc thu hút được nhiều sự đầu tư từ tư bản nước ngoài.

4.2.2.3. Thu hút kiều hối từ nước ngoài

Ngoài hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài, chính phủ Singapore và Hàn Quốc cũng rất linh hoạt trong tìm kiếm nguồn vốn đầu tư

phát triển. Những hoạt động này cũng hướng tới lực lượng người Singapore (Hoa kiều) hay lực lượng lao động của Hàn Quốc tại nước ngoài (xuất khẩu lao động, tham chiến tại Việt Nam).

4.3. Quản lý và phân bổ nguồn lực tài chính phục vụ phát triển của hai quốc gia

Chính phủ Singapore và Hàn Quốc đều biết kết hợp chặt chẽ giữa tư bản nhà nước và tư bản tư nhân trong công nghiệp hóa đất nước. Đồng thời, nhà nước không chỉ chú trọng huy động nguồn vốn mà còn triển khai nhiều biện pháp, phương tiện kết hợp nhằm phân bổ và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư.

	SINGAPORE	HÀN QUỐC
<i>Mở rộng các kênh quản lý và cung cấp vốn</i>	- <u>Định chế tài chính (Ủy ban tiền tệ, hệ thống ngân hàng)</u>	
<i>Phân bổ vốn đầu tư vào các ngành công nghiệp trọng điểm</i>	- Ngành chế tạo - <u>Công nghiệp nặng (đóng tàu biển, lọc dầu)</u> - <u>Vận tải biển</u> → MNCs	- Ngành chế tạo - <u>Ngành sản xuất sản phẩm trung gian</u> - <u>Ngành công nghiệp nặng và xây dựng</u> → Chaebol
<i>Tăng vốn đầu tư phát triển cơ sở vật chất, máy móc, kỹ thuật</i>	- Nhà ở công cộng - Khu công nghiệp, kho bãi nhà xưởng, đường xá, bến cảng - Công trình giao thông đường thủy, đường bộ và đường hàng không	- <u>Khu công nghiệp</u> - <u>Đường xá</u> - <u>Phong trào Làng mới</u>

Tóm lại, vấn đề huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đã được nhiều quốc gia quan tâm áp dụng, nhưng mức độ thành công không nhiều, thậm chí có nhiều nước thất bại. Singapore và Hàn Quốc đã biến nguồn lực tài chính thành động lực tăng trưởng xuyên suốt các giai đoạn phát triển kinh tế đất nước trong suốt mấy thập kỷ qua.

Chương 5

ĐÁNH GIÁ VỀ NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN CỦA SINGAPORE VÀ HÀN QUỐC GIAI ĐOẠN 1961-1979

Dựa trên những so sánh về nguồn lực con người cũng như nguồn vốn tài chính của Singapore và Hàn Quốc ở chương 3 và chương 4, nội dung chương 5 hướng tới mục đích (1) đánh giá một cách hệ thống về vai trò của nguồn lực con người và nguồn vốn đầu tư đối với sự phát triển của hai quốc gia, (2) liên hệ và gợi ý tham khảo cho định hướng phát triển công nghiệp hóa của Việt Nam.

5.1. Đánh giá về nguồn lực phát triển của Singapore và Hàn Quốc

5.1.1. Đóng góp của nguồn lực đối với sự tăng trưởng của hai quốc gia 61-79

5.1.1.1 Thành tựu phát triển của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961-1979

Sau gần hai thập kỷ phấn đấu, cả Singapore và Hàn Quốc đã đưa Singapore và Hàn Quốc nhanh chóng trở thành nước công nghiệp hóa mới (Nics) ở Đông Á. Điều này được thể hiện qua (1) các chỉ số phát triển kinh tế giai đoạn 1961-1979 như: mức tăng trưởng GDP của hai quốc gia cả thời kỳ trên 9%, GDP bình quân đầu người của Singapore gần như tăng gấp mười lần, trong khi chỉ số này ở Hàn Quốc cũng tăng gấp hơn 20 lần; (2) các chỉ số phát triển xã hội, một trong số đó là chỉ số HDI của Singapore và Hàn Quốc được xếp hạng trong số các nước có chỉ số HDI cao trên thế giới.

5.1.1.2. Vai trò của nguồn lực phát triển đối với sự tăng trưởng của hai quốc gia

Thông qua chỉ số TFP, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau (1) nếu tính cả sự đóng góp của yếu tố số lượng vốn đầu tư và sự đóng góp của yếu tố số lượng lao động, thì hai yếu tố này đã đóng góp trên hai phần ba tổng tốc độ tăng trưởng kinh tế của hai quốc gia; (2) tăng trưởng kinh tế của hai quốc gia dựa chủ yếu vào sự đóng góp của yếu tố vốn đầu tư. Nói cách khác, trong giai đoạn này, mức đóng góp của nguồn vốn tài chính được đánh giá cao hơn, hiệu quả hơn so với nguồn lực con người.

5.1.2. Thành tựu phát triển nguồn lực con người và tài chính của hai quốc gia sau gần hai thập niên

5.1.2.1. Sự phát triển nguồn lực con người của hai quốc gia

Sau gần hai thập kỷ nỗ lực cải cách và phát triển nguồn nhân lực, mặc dù ở Singapore và Hàn Quốc vẫn tồn tại những hạn chế trong phát triển nguồn nhân lực nhưng xét trên phương diện khách quan, nền giáo dục của hai quốc gia cũng đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cũng như tái cấu trúc lực lượng lao động theo mục tiêu công nghiệp hóa. Đồng thời, cả hai quốc gia cũng đã nhận thức được những thách thức, cơ hội và điều chỉnh chiến lược để có thể đáp ứng được các yêu cầu về nguồn nhân lực có hàm lượng chất xám cao ở giai đoạn sau.

5.1.2.2. Sự phát triển của nguồn lực tài chính

Kết hợp thực thi các biện pháp thu hút nguồn lực tài chính một cách đa dạng, sau gần hai thập kỷ, Singapore và Hàn Quốc đã bước đầu tạo nên nguồn dự trữ tài chính quốc gia lớn hơn, tạo động lực để thực hiện các dự án phát triển ở giai đoạn kế tiếp. Cho đến đầu thập niên 1980, về cơ bản cả Singapore và Hàn Quốc vẫn duy trì và phân phối tốt các nguồn lực tài chính, làm cơ sở vững chắc cho công cuộc công nghiệp hóa đất nước.

5.2. Gợi ý tham khảo cho Việt Nam

Từ việc nghiên cứu so sánh thực tiễn phát triển và sử dụng nguồn lực của Singapore và Hàn Quốc, chúng tôi rút ra một số bài học tham khảo cho trường hợp Việt Nam.

5.2.1. Bài học chung trong phát triển và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển

Vai trò của nhà nước rất quan trọng như là người khởi xướng, vạch kế hoạch và tổ chức trong việc phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, dù nghiêng theo học thuyết kinh tế nào thì chúng ta đều phải thừa nhận một nguyên lý chung, đó là: Nhà nước tất yếu phải can thiệp vào nền kinh tế. Tuy vậy, cách thức, mức độ can thiệp như thế nào thì tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia.

5.2.2. Bài học liên quan tới phát triển và sử dụng nguồn lực con người

Trước hết, nhất thiết phải coi nguồn lực con người là nguồn lực quan trọng và quyết định nhất.

Thứ hai, phát triển nguồn lực con người phải gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng giai đoạn, với mục đích cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng theo yêu cầu của sự phát triển kinh tế.

Thứ ba, cần thiết phải thực hiện công tác hướng nghiệp, phân luồng nhân lực ngay từ khi học sinh học hết cấp Trung học cơ sở. Có như vậy, Việt Nam mới có thể điều chỉnh cấp học, ngành nghề cho phù hợp và đảm bảo số lượng lao động kỹ thuật lành nghề tương ứng trong cơ cấu nguồn lao động.

Thứ tư, chú trọng đào tạo kỹ năng lao động và phẩm chất của người lao động. Thứ năm, kết hợp hài hòa giữa những yếu tố truyền thống và hiện đại trong phát huy và sử dụng nguồn lực con người.

Thứ sáu, cần thiết huy động sự tham gia của các nguồn lực trong và ngoài nước vào công tác đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Thứ bảy, cần chú trọng hơn tới công tác cải cách chính sách tiền lương

5.2.3. Bài học liên quan tới huy động và sử dụng nguồn vốn tài chính

Thứ nhất, cần phải kết hợp chặt chẽ và hài hòa giữa tư bản nhà nước và tư bản tư nhân trong công nghiệp hóa đất nước.

Thứ hai, tích cực triển khai đồng bộ nhiều chính sách để vốn hóa như khuyến khích tiết kiệm trong nước để biến nó thành vốn phát triển, tận dụng nguồn viện trợ, vay tín dụng nước ngoài và khuyến khích đầu tư nước ngoài.

Thứ ba, vận hành hiệu quả thị trường vốn

Thứ tư, nhà nước cần có chính sách và biện pháp mang tính đột phá trong phát triển khoa

KẾT LUẬN

1 - Hoạch định phát triển trong bối cảnh nghèo tài nguyên thiên nhiên, xuất phát điểm thấp, thiếu trầm trọng nguồn vốn cho đầu tư phát triển, chính phủ Singapore và Hàn Quốc đã nhận thức tầm quan trọng của nguồn lực lao động và nguồn vốn đầu tư đối với sự phát triển quốc gia. Từ đó, chính phủ hai nước đã đưa ra và thực hiện những quyết sách phát triển phù hợp, kịp thời về nguồn nhân lực, tài lực, mang tính quyết định cho sự phát triển của quốc gia giai đoạn 1961-1979.

2 - Singapore và Hàn Quốc đều đề cao quan điểm “nhân tài lập nước”, tập trung phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đóng góp lớn cho sự phát triển của đất nước. Về phương diện chính sách, cả hai quốc gia đều kết hợp hài hòa từ chính sách vi mô (quản lý lao động tại xí nghiệp, công ty...) cho đến chính sách vĩ mô (chiến lược kinh tế, chính sách giáo dục quốc gia, chính sách việc làm, quản lý và đãi ngộ nhân tài, kế hoạch giảm dân số...). Mục tiêu của các chính sách, biện pháp thực hiện không chỉ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực mà quan trọng hơn là tạo dựng ý thức dân tộc, khát vọng vươn lên học hỏi, cống hiến hết mình cho sự phát triển chung của đất nước.

3 - Singapore và Hàn Quốc đều bắt kịp xu thế toàn cầu hóa kinh tế, tận dụng lợi thế về vị trí địa chính trị - kinh tế và mối quan hệ quốc tế để thu hút các nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là nguồn vốn nước ngoài. Hai quốc gia đã biết kết hợp chặt chẽ cả tư bản nhà nước và tư bản tư nhân để công nghiệp hóa đất nước. Ngoài ra, hai nước còn triển khai đồng bộ nhiều biện pháp để phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư. Bên cạnh những điểm tương đồng, quá trình huy động và sử dụng nguồn vốn giữa Singapore và Hàn Quốc cũng có một số điểm khác biệt do hoàn cảnh riêng của từng quốc gia. Nếu như Singapore tiến hành phát triển dựa vào vốn đầu tư nước ngoài thì Hàn Quốc lại thực thi chiến lược phát triển chủ yếu nhờ vào những khoản vay nợ nước ngoài. Trong khi chính phủ Singapore chủ trương theo đuổi chính sách phát triển tự do hóa thương mại, thì chính phủ Hàn Quốc có sự kiểm soát chặt chẽ hơn về các hoạt động kinh doanh cũng như vấn đề tài chính. Thêm vào đó, Hàn Quốc đẩy mạnh phát triển các tập đoàn kinh tế trong nước còn Singapore lại ra sức thu hút sự đầu tư của các công ty đa quốc gia (MNCs).

4 - Dựa theo tình hình thực tiễn của nguồn lực phát triển, tùy theo các giai đoạn triển khai chiến lược phát triển, ta có thể nhận thấy cả Singapore và Hàn Quốc đã triển khai các biện pháp phù hợp, đặc biệt trong lĩnh vực vốn và nhân lực. Cho dù các biện pháp này có sự tương đồng và khác biệt trong cách thức huy động và sử dụng nguồn lực nhưng có thể nhận thấy các nguồn vốn này được vận dụng hài hòa và sử dụng có hiệu quả phục vụ cho các mục tiêu chiến lược và các kế hoạch trung hạn của hai quốc gia trong từng thời kì (giai đoạn 1961-1979). Tất cả mọi hoạt động, mọi chủ trương của Singapore hay Hàn Quốc đều tập trung cho việc phát triển kinh tế. Mặc dù một số chính sách của hai quốc gia cũng gây nên hệ quả tiêu cực hai thập niên sau đó song những thành tựu quan trọng đạt được giai đoạn 1961 - 1979 cũng đã góp phần tạo đà thúc đẩy cho sự phát triển cho giai đoạn tiếp theo. Thực tiễn phát triển kinh tế hai quốc gia vào cuối thập niên 1970 cho thấy vai trò mang tính quyết định của nguồn lực con người và nguồn vốn đầu tư. Ngược lại, kết quả này cũng nhấn mạnh tới vai trò của Chính phủ hai quốc gia trong việc hoạch định chính sách phát triển quốc gia, nhấn mạnh vai trò của nguồn nhân lực, tài lực.

5 - Trên cơ sở nghiên cứu so sánh và phân tích ưu - nhược điểm trong chính sách phát triển của Singapore và Hàn Quốc giai đoạn 1961-1979, luận án đề xuất một số kiến nghị để tăng thêm tính khả thi trong việc sử dụng nguồn lực con người cũng như nguồn vốn phát triển ở nước ta hiện nay. Trước hết, để đảm bảo cho thắng lợi của các chiến lược, trước hết Việt Nam cần xây dựng được một nhà nước mạnh, được lãnh đạo bởi những người vừa hồng vừa chuyên, phải thật sự hoạt động có hiệu quả, thực hiện tốt chức năng định hướng và điều tiết các hoạt động kinh tế, biết sử dụng các công cụ điều tiết vĩ mô một cách linh hoạt và có hiệu quả.

Nghiên cứu yếu tố tri thức con người của Singapore và Hàn Quốc cũng như quá trình huy động nguồn vốn phục vụ phát triển cũng chính là nhằm giải đáp những yếu tố quan trọng tạo cho Singapore và Hàn Quốc hoá rồng, nó sẽ giúp cho hợp tác song phương Singapore - Việt Nam, Hàn Quốc - Việt Nam càng hiệu quả hơn.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN TỚI LUẬN ÁN

1] Nguyễn Thị Thu Hương (2002), “Chính sách phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, Kỷ yếu Hội nghị khoa học: Các nhà khoa học trẻ, ĐHQGHN lần 2, năm 2002.

2] Nguyễn Thị Thu Hương (2009), “Một vài nhận định về ảnh hưởng của Khổng giáo tới Chaebol Hàn Quốc”, Tạp chí Đông Bắc Á, số 7/ 2009

3] Nguyễn Thị Thu Hương (2010), “Điểm lại nguồn lực phát triển kinh tế Singapore từ sau khi giành độc lập tới những năm cuối thập kỷ 80”, “Đông Nam Á trong thế giới phương Đông”, NXB Thế giới, 2010.

4] Nguyễn Thị Thu Hương (2013), “Nghiên cứu so sánh đường lối phát triển của Singapore và Hàn Quốc từ sau khi giành độc lập cho tới những năm 80 thế kỷ XX”, NXB Thế giới, ISBN 9786047707812, tr.257~277, 1/2013

5] Nguyễn Thị Thu Hương (2014), “Tính hài hòa trong chiến lược sử dụng nguồn vốn và nhân lực của Hàn Quốc giai đoạn 1961 - 1979”, Tọa đàm khoa học dành cho các nhà khoa học trẻ “Những nghiên cứu mới về Nhật Bản và châu Á”, Khoa Đông Phương học, Đại học KHXH&NV.

6] Nguyễn Thị Thu Hương (2015), “Tính hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế với phát triển nguồn nhân lực của Hàn Quốc giai đoạn 1961-1979”, Nghiên cứu liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn: tiếp cận từ góc độ lý thuyết và thực tiễn, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

7] Nguyễn Thị Thu Hương (2015), 박정희 정부시대의 금융자원 문제 해결 - 싱가포르의 경우 비교하여 (Giải quyết vấn đề nguồn lực tài chính của Hàn Quốc dưới thời kỳ tổng thống Park Chung-hee: so sánh với trường hợp Singapore), 2015년 해외 대학 한국역사 전공 박사과정생 워크숍 (Hội thảo chuyên ngành lịch sử Hàn Quốc ở nước ngoài năm 2015), Korea, 7/2015.

[8] Nguyễn Thị Thu Hương (2015), “Vai trò của phát triển giáo dục đối với sự tăng trưởng kinh tế ở Singapore”, Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội, số 12/2015.

[9] Nguyễn Thị Thu Hương (2015), “Chính sách huy động và sử dụng vốn của Singapore giai đoạn 1961-1979”, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á (số tháng 11/2015).

[10] Nguyễn Thị Thu Hương (2015), “Cơ sở hoạch định chiến lược phát triển của Hàn Quốc và Singapore - một nghiên cứu so sánh”, Phương Đông: truyền thống và hiện đại, NXB Thế Giới, tr.189-202.